

Số: 12/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 22 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Vũ Tuấn Đ, sinh năm 1978

**Bị đơn:** Chị Bùi Thị L, sinh năm 1978

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 17/11/2003;

+ Cháu Vũ Hải Đ1, sinh ngày 11/9/2006

Đều trú tại: Đội 5, thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

**Người đại diện hợp pháp cháu Đ1:** Anh Vũ Tuấn Đ và chị Bùi Thị L là bố, mẹ đẻ của cháu Đ1.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Tuấn Đ và chị Bùi Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Tuấn Đ và chị Bùi Thị L đều nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Đ, chị L đều xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu Vũ Hải Y, sinh ngày 17/11/2003 và Vũ Hải Đ1, sinh ngày 11/9/2006. Hiện nay cháu Đ1 đang ở với anh Đ, cháu Y đang ở với chị L.

Anh chị thống nhất thỏa thuận:

Giao cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ1 kể từ tháng 7/2022 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ.

Cháu Y đã đủ 18 tuổi nhưng vẫn tiếp tục ở với chị L. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Y số tiền là: 3.500.000đồng/tháng để đảm bảo việc học tập của cháu Y đến khi cháu hoàn thành chương trình Đại học. Thời gian tính từ tháng 7/2022 đến hết ngày 30/6/2026.

Anh, chị đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, cháu Y có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền anh Đ cấp dưỡng cho cháu Y, nếu anh Đ không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác*: Anh Đ, chị L tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết;

- *Về án phí*: Anh Vũ Tuấn Đ tự nguyện chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng cho cháu Y học đại học nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0004566 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

**3.**Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T

*Giấy CNKH số 32 ngày 02/12/2002;*

- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- L hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Minh N**

